

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ THÀNH PHẦN DÂN TỘC CỦA CỘNG ĐỒNG QUÍ CHÂU

TRẦN BÌNH

1. Về địa bàn khảo sát và đối tượng nghiên cứu

• Thu thập dữ liệu cho báo cáo này, ngoài việc tiếp cận các nguồn dữ liệu đã được công bố trong các loại sách báo, chúng tôi đã tiến hành điền dã dân tộc học tại Bản Chang xã Th-ợng Hà (Bảo Lạc, Cao Bằng). Đó là bản vùng cao, nằm cách cột mốc 128 và 129 thuộc đ-ờng biên giới Việt – Trung, chừng 3 km (đ-ờng chim bay), cách trung tâm xã Th-ợng Hà 18 km về phía tây-bắc, cách thị trấn Bảo Lạc 25 km về phía tây-bắc, và cách thị xã Cao Bằng 180 km cũng về phía tây-bắc. Từ trung tâm thị trấn Bảo Lạc, muốn đến Bản Chang phải vượt qua con đ-ờng đất dân sinh dốc ng-ọc, vắt qua các s-ườn núi, dài 25 km.

Bản Chang hiện có 46 gia đình, 250 nhân khẩu, 100% là ng-ời Quý Châu. Hoạt động m-u sinh chủ yếu của dân bản dựa vào số diện tích ruộng n-ớc t-ong đ-ong 250 kg thóc giống (gieo khoảng 20 kg giống, sẽ có đủ số mạ cấy đ-ợc 360 m² ruộng), diện tích lúa n-ong t-ong đ-ong 120 kg giống (khoảng 50 kg giống gieo đ-ợc 1.000 m² n-ong), diện tích ngô t-ong đ-ong 500 kg giống (khoảng 7 kg giống gieo đ-ợc 360 m² n-ong). Ngoài trồng trọt, Bản Chang còn có đàn gia súc: 26 con trâu, 200 con bò, 300 con lợn và 1.000 con gia cầm...

Trình độ dân trí ở Bản Chang t-ong đối thấp. Cả bản hiện chỉ có ông Hù Pang Khín (56 tuổi) là ng-ời duy nhất biết đọc, biết viết và sử dụng đ-ợc sách chữ Nôm, và ch-a có ai tốt nghiệp Trung học Phổ thông. Số học sinh trong bản đang theo học phổ thông là 16 cháu. Trong đó: lớp 11: 1, lớp 10: 1, lớp 9: 2, lớp 8: 3, lớp 7: 1, lớp 5: 3, lớp 1 đến lớp 4: 5...

• Quý Châu là cộng đồng có dân số rất ít, c-trú tại một số xã giáp biên giới Việt-Trung, thuộc các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng... Họ là một trong số các cộng đồng nói tiếng Pạc Va. Tuy nhiên, thực tế họ sử dụng tiếng Tày, Nùng và Dao... để giao tiếp với các cộng đồng khác trong vùng. Họ có nhiều đặc điểm văn hoá t-ong đồng với các nhóm Thù Lao, Tu Dí, Pa Dí, Bó Y, Giáy,... đang sinh sống ở vùng biên giới Việt – Trung.

Quý Châu là c- dân sinh sống bằng trồng trọt. Trong đó làm ruộng n-ớc là hoạt động m-u sinh chính của họ. So với các c- dân khác trong vùng, họ có kỹ thuật canh tác lúa n-ớc t-ong đối khá hơn. Họ dùng trâu, bò làm sức kéo, dùng phân gia súc bón cho lúa và các loại cây trồng khác, và có nhiều kinh nghiệm trong việc dẫn thủy nhập điền. Ngoài trồng trọt họ còn chăn nuôi đại gia súc, gia súc, gia cầm, hái l-ợm, săn bắt, đan lát, dệt may và làm mộc. Việc buôn bán và trao đổi giao l-u kinh tế với các cộng đồng bên kia biên giới của họ t-ong đối phát triển. So với các cộng đồng khác, họ luôn là bộ phận đi đầu trong các lĩnh vực hoạt động kinh tế ở vùng giáp biên.

Cộng đồng Quý Châu c-trú theo hình thức mật tập thành từng bản. Mỗi bản khoảng vài ba chục nóc nhà. Họ sinh sống trong các ngôi nhà đất, t-ờng trình, làm bằng tre, gỗ, nứa, lợp bằng cỏ tranh và là cộ. Nay đã có nhiều gia đình ở trong những ngôi nhà sàn nh- của ng-ời Nùng. Trang phục của họ đơn giản và t-ong tự nh- trang phục của ng-ời Nùng ở trong vùng.

Theo điều tra của chúng tôi tại Bản Chang (Th-ợng Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng) vào tháng 8/2005, ng-ời Quý Châu có các dòng họ: Hoàng, Lý, Hù, Chấn, Phán, Chu, Chấu, Đặng... Đó đều là các họ có tên gọi gốc theo tiếng Trung Quốc: Wuáng, Lí, Chén, Hù, Zhu, Fàn, Dèng...

2. Về thành phần dân tộc của cộng đồng Quý Châu

Trong công bố kết quả Điều tra dân số 1.3.1960, của Tổng cục Thống kê, nhóm Quý Châu đ-ợc xếp thành dân tộc riêng: *dân tộc Quý Châu*⁽¹⁾. Vào thời điểm đó dân số của dân tộc này là 1.116 ng-ời, trong đó có 523 nam và 593 nữ. Từ 1974 lại đây, trong các kỳ điều tra dân số, cộng đồng Quý Châu không đ-ợc xếp thành một dân tộc riêng, mà chỉ đ-ợc coi là một bộ phận, hay một ngành, một nhóm địa ph-ơng thuộc dân tộc Giáy, còn ở Cao Bằng thuộc dân tộc Nùng.

Năm 1978, trong *Các dân tộc ít ng-ời ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*, Ngô Vĩnh Bình cho rằng: *Ngoài tên tự gọi là Pu Nà, ng-ời Pu Nà còn đ-ợc gọi bằng tên khác: ng-ời Cùi Chu. Cùi Chu theo tiếng Quan Hỏa có nghĩa là Quý Châu, một tỉnh ở miền Nam Trung Quốc*⁽²⁾.

Cũng trong *Các dân tộc ít ng-ời ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*, Chu Thái Sơn khi viết về dân tộc Bố Y đã xác nhận rằng, nhóm Quý Châu là một bộ phận của dân tộc Bố Y. Theo tác nhà nghiên cứu này, cộng đồng Bố Y gồm 4 ngành:

1. *Ngành Pâu Y, sinh sống ở Hà Tuyên (cũ), các c-đ dân láng giềng gọi họ là Chủng Chá hay Trung Già*^(**).

2. *Ngành Tu Dí, c-đ trú ở Hoàng Liên Sơn (cũ).*

3. *Ngành Pu Nà, còn gọi là Quý Châu (Củi Chu), thuộc ngành Pâu Nả, c-đ trú ở Cao Lạng (cũ) và Lai Châu.*

4. *Ngành Pâu Thìn (tức là dân tộc Giáy), c-đ trú tại nhiều nơi thuộc Hoàng Liên Sơn, Hà Tuyên và Cao Lạng (cũ)*⁽³⁾.

Đặng Nghiêm Vạn trong một nghiên cứu *Về tên gọi các dân tộc ở Miền Bắc n-ớc ta*, cũng cho rằng tên tự gọi của ng-ời Quý Châu là Pu Nà (Viện Dân tộc học. *Vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1975, tr. 121).

Trong *Danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam*, công bố ở Tạp chí Dân tộc học, số 1/1979, tr. 59-63, cộng đồng Quý Châu không có tên. Từ đó đến nay, cộng đồng này ở Cao Bằng vẫn đ-ợc xếp là một trong số các nhóm địa ph-ơng của dân tộc Nùng.

Nh- vậy, từ chỗ đ-ợc xếp thành một dân tộc riêng biệt trong số 26 dân tộc ở Miền Bắc Việt Nam (1960), năm 1974 trở lại đây cộng đồng Quý Châu chỉ đ-ợc xếp là một nhóm địa ph-ơng, hoặc một ngành của dân tộc Nùng. Có ý kiến cho rằng Quý Châu là bộ phận của dân tộc Bố Y (Chu Thái Sơn), những ý kiến khác lại xác định họ chính là dân tộc Pu Nà (Ngô Vĩnh Bình, Đặng Nghiêm Vạn...). Cũng có tr-ờng hợp họ đ-ợc xác nhận là một bộ phận của dân tộc Giáy. Hiện nay ở Cao Bằng cộng đồng ng-ời Quý Châu đang đ-ợc xác định là một nhóm địa ph-ơng thuộc dân tộc Nùng. Nh- vậy rõ ràng vấn đề thành phần dân tộc của cộng đồng Quý Châu đã đặt ra nhiều vấn đề, nay cần phải xem xét lại. Đó là nhu cầu thực tiễn và cũng là nguyện vọng của cán bộ nhân dân ở các địa ph-ơng. Để xem xét vấn đề này, cần căn cứ theo các dữ liệu thuộc các lĩnh vực sau đây.

Nguồn gốc và lịch sử c-đ trú

Theo nhiều nhà nghiên cứu, các tộc ng-ời nói ngôn ngữ Tày – Thái (Choang - Đông) hiện nay có số dân khoảng trên d-ới 100 triệu ng-ời, phân

⁽¹⁾ Dân số Miền Bắc Việt Nam (Số liệu Điều tra dân số ngày 1/3/1960), Tổng cục Thống kê, Hà Nội, 1962, tr. 35.

⁽²⁾ Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ít ng-ời ở Việt Nam (các tỉnh phía bắc)*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1978, tr. 257.

^(**) Về ng-ời *Chủng Chá*, trong khi bàn về Tên gọi các dân tộc ở Miền Bắc Việt Nam, Đặng Nghiêm Vạn cho rằng: Có thể tên gọi này liên quan đến ng-ời *Cháng*, một cộng đồng c-đ trú ở Ngàn Sơn, Liễu Châu, Th-ơng Lâm thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Sau thất bại của Nùng Trí Cao, tên *Choang (Choang)* đ-ợc dùng để chỉ toàn bộ khối cộng đồng nay đ-ợc gọi là Cháng ở tỉnh Quảng Tây (*Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1975, tr. 121)

⁽³⁾ Viện Dân tộc học (1978). Sách đã dẫn, tr. 263.

bố trong địa bàn khá rộng, thuộc khu vực Đông – Nam lục địa châu Á, gồm Nam Trung Quốc, Bắc Việt Nam, Lào, Thái Lan, Myanmar và Đông Ấn Độ. Khối c- dân này gồm hai ngành. Ngành phía Tây gồm: các dân tộc Thái, Lào, Lự, Nhuôn (ở Lào); dân tộc Thái và Lào (ở Thái Lan); các nhóm San, Karen (ở Myanmar); nhóm Ahom (ở Ấn Độ); nhóm Thái (ở Vân Nam, Trung Quốc) và các dân tộc Thái, Lào, Lự (ở Việt Nam). Ngành phía Đông gồm: các dân tộc Choang, Đông, Bố Y, Thủy, Mỗ Lao, Mao Nam ở Nam Trung Quốc; các dân tộc Tày, Nùng, Giáy, Bố Y... ở Việt Nam¹.

Nếu cộng đồng Quý Châu là một nhóm địa phương, hoặc một ngành của dân tộc Nùng, hay Bố Y... đúng như quan điểm của một số nhà nghiên cứu, thì họ thuộc Ngành phía Đông của khối c- dân nói ngôn ngữ Choang-Đông (Tày – Thái). Và như vậy tổ tiên xa xưa của họ có nguồn gốc ở khu vực bao gồm: phần phía đông vùng Hoa Nam (Trung Quốc) và khu vực miền núi phía bắc Việt Nam. Cụ thể hơn, họ có thể là di duệ của các cộng đồng Nùng, Bố Y... có nguồn gốc ở vùng lãnh thổ phía đông của khu vực Hoa Nam (Trung Quốc).

Điều tra tại Bản Chang (Thị trấn Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng), người Quý Châu ở đây đều nhất trí rằng, họ có nguồn gốc từ bên Trung Quốc. Theo những người già, tổ tiên của họ xưa là người Quý Châu. Họ di cư sang Việt Nam bằng đường bộ trên núi. Nguyên nhân di cư sang Việt Nam, theo họ, do loạn lạc, chiến tranh, đất đai xấu làm không nên ăn, đói kém liên miên... nên tổ tiên họ đi tìm nơi có cuộc sống tốt hơn. Điểm dừng cuối cùng của họ là đất Việt Nam. Hiện nay cộng đồng này vẫn còn bà con, thân nhân sinh sống bên đất Trung Quốc. Phần lớn trong số bà con của họ, đều là những người đã từng có một thời gian sinh sống ở Việt Nam, sau đó lại quay trở lại sinh sống bên đất Trung Quốc.

¹ Nguyễn Chí Huyền (và các tác giả). *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2000, tr. 64-65.

Về địa danh Quý Châu, đa số các nhà nghiên cứu đều cho rằng đó là tỉnh Quý Châu, một tỉnh nằm ở khu vực lãnh thổ phía tây- nam của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Ngô Vĩnh Bình cho rằng *Cù Chu theo tiếng Quan Hỏa có nghĩa là Quý Châu, một tỉnh ở miền Nam Trung Quốc*². Chu Thái Sơn cũng có quan điểm tương tự: *Vào khoảng giữa thế kỷ thứ XIX, vì những lý do sinh kế, một nhóm Bố Y ở miền cực nam Quý Châu di chuyển xuống miền nam rồi tụ cư tại miền Bắc nước ta*³...

Có thể các tác giả trên không sai, nhưng theo chúng tôi cũng cần lưu ý để tránh nhầm lẫn địa danh Quý Châu có liên quan đến cộng đồng Quý Châu, với tỉnh Quý Châu thuộc Cộng Hoà Nhân dân Trung Hoa ngày nay. Trong *Việt Nam sử lược* có đoạn ghi: *Năm Mậu Tý (1048) Nùng Trí Cao làm phản, xưng là Nhân Huệ Hoàng đế quốc hiệu là Đại Nam. Sau bị Lý Thái Tông sai Quách Thỉnh Dật mang quân lên đánh. Nùng Trí Cao xin phụ thuộc và sự che chở của Nhà Tống, không được nên mang quân đánh chiếm Ung Châu và 8 châu ở Quảng Tây và Quảng Đông. Đó là các châu Hoành, châu Quý, châu Cung, châu Đằng, châu Ngô, châu Khang và châu Đoản*⁴...

Như vậy, Quý Châu có thể là một châu thuộc Quảng Tây, Trung Quốc. Chẳng hạn địa danh Quý Châu mà chúng ta nhắc đến khi nghiên cứu về các nhóm cộng đồng có nguồn gốc Trung Quốc, đã phải là tỉnh Quý Châu ngày nay. Một số tài liệu (*Sơ thảo lịch sử Cao Bằng*, do Ty Văn hoá Thông tin Cao Bằng ấn hành vào năm 1963,...) khi ghi chép về người Ngạn ở Cao Bằng cũng đề cập đến nguồn gốc Quý Châu của nhóm tộc người này. Theo người Ngạn ở *Nậm Loát* (Nguyễn Huệ, Hoà An, Cao Bằng): *từ quê hương cổ của họ ở Trung Quốc đến nơi họ đang cư trú*

² Viện Dân tộc học (1978). *Sách đã dẫn*, tr. 257.

³ Viện Dân tộc học (1978). *Sách đã dẫn*, tr. 263.

⁴ Trần Trọng Kim. *Việt Nam sử lược*, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Tp. HCM, 2005, tr. 91.

hiện nay (Nguyễn Huệ, Hoà An, Cao Bằng) cách nhau chừng 70km. Tổ tiên họ kể rằng, họ phải đi bộ xuyên rừng, xuyên núi khoảng 20 ngày đêm mới đến nơi ở ngay nay... Trong tr- ờng hợp cộng đồng Ngạn, chắc chắn họ không phải là có nguồn gốc từ tỉnh Quý Châu mà họ có nguồn gốc Quảng Tây (Trung Quốc).

Nh- vậy, địa danh Quý Châu có liên quan đến cộng đồng ng- ời Quý Châu cũng rất cần đ- ọc xem xét lại một cách thật khoa học. Rất có thể họ đ- ọc gọi, hoặc tự nhận tộc danh của mình bằng tên địa ph- ơng, mà x- a kia tổ tiên họ đã sinh sống. Xác định đúng địa danh Quý Châu là tỉnh Quý Châu ngày nay, hay đó là tên một châu (Châu Quý) thuộc tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), sẽ góp phần quan trọng vào việc xác định thành phần tộc ng- ời của cộng đồng Quý Châu hiện nay. Về vấn đề này, qua thực tiễn nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy rằng, x- a kia nếu các cộng đồng lấy địa danh nơi sinh sống làm tộc danh, hoặc để gọi cộng đồng khác, th- ờng họ gọi theo địa danh của đơn vị châu, m- ờng, bản... ít thấy có cộng đồng nào lấy tên tỉnh, khu... làm tộc danh của mình, hoặc để gọi cộng đồng khác. Vì thế, rất có thể tộc danh Quý Châu có cơ sở từ địa danh của Châu Quý ở Quảng Tây (Trung Quốc),

không phải tỉnh Quý Châu, nh- nhiều ng- ời đã hiểu.

Theo những ng- ời Quý Châu đang sống ở Bản Chang, hiện nay khi bà con ở bên Trung Quốc có c- ới xin, ma chay, ng- ời Quý Châu đều đi lại thăm thân. Ng- ọc lại, khi có việc quan trọng họ cũng đều mời bà con ở bên Trung Quốc sang tham dự. Khi đi thăm nhau, họ th- ờng mang theo gà, r- ợu, bánh kẹo... để làm quà.

Nh- vậy, cộng đồng Quý Châu là c- dân có nguồn gốc tại vùng phía đông- nam thuộc khu vực Hoa Nam, Trung Quốc. Điều đó không còn gì để bàn cãi. Tuy vậy, tổ tiên xa x- a của họ có nguồn gốc Quý Châu, hay Quảng Tây lại là vấn đề cần đ- ọc tiếp tục xem xét. Chúng tôi cho rằng nhiều khả năng tổ tiên xa x- a của họ là những ng- ời có nguồn gốc thuộc c- dân Ngành Phía Đông của cộng đồng các tộc ng- ời nói ngôn ngữ Choang - Đồng (Tày-Thái) ở Hoa Nam.

Về ngôn ngữ

Để tiện việc xem xét thành phần tộc ng- ời, tr- ớc tiên chúng ta hãy so sánh tiếng Quý Châu với tiếng Hoa. Theo điều tra của chúng tôi ở Bản Chang (Th- ợng Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng) vào tháng 8/2005, tình hình nh- sau:

| TT | Tiếng Việt | Tiếng Quý Châu | Tiếng Trung Quốc |
|--------------------------|------------|----------------------------|------------------|
| C□C B□ PHỐN C□ TH□ NG□□I | | | |
| 1 | Đầu | <i>Thâu (tòu)</i> | Tóu |
| 2 | Mắt | <i>Zen chín (yản jín)</i> | Yǎn jìng |
| 3 | Mũi | <i>Pi liang (bì liang)</i> | Bí zǐ |
| 4 | Mồm | <i>Chu pá (zu bá)</i> | Zǔi |
| 5 | Tóc | <i>Fa</i> | Fà |
| 6 | Răng | <i>Zà ch□(yá zi)</i> | yá zi |
| 7 | Vú | <i>Nái (nái)</i> | nǎi |
| 8 | Tai | <i>Nỏ tó</i> | ěr |
| 9 | Cổ | <i>Chǎng cǎn</i> | |
| 10 | Vai | <i>Kín pǎng</i> | |
| 11 | Tay | <i>Sâu (shǒu)</i> | Shǒu |

| | | | |
|------------------------|-------|---------------------------|----------|
| 12 | L- ng | <i>Pày hǎu (pay hòu)</i> | Hòu |
| 13 | Bụng | <i>Tủ</i> | |
| 14 | Chân | <i>Chò (zò)</i> | Zú |
| 15 | Tim | <i>Xán (xén)</i> | Xīn |
| 16 | Gan | <i>Cán (gán)</i> | Gàn |
| □□NG T□C C□A CON NG□□I | | | |
| 17 | Ớn | <i>Chừ (chì)</i> | Chì |
| 18 | Uống | <i>Hó (hó)</i> | Hé |
| 19 | Ngủ | <i>Suôi (shuì)</i> | Shuì |
| 20 | Nói | <i>Cheng (jiang)</i> | Jiǎng |
| 21 | Hát | <i>Sóng có (Chóng gó)</i> | Chàng gè |
| 22 | Chửi | <i>Má (má)</i> | Má |
| 23 | Khóc | <i>Khu (kù)</i> | Kù |
| 24 | C- ời | <i>Xiǎo (xiao)</i> | Xiào |

| | | | |
|----------------|----------|--------------------------------|---------------|
| 25 | Đi | <i>Khé</i> | Zòu |
| 26 | Chạy | <i>Fao (pào)</i> | Pǎo |
| 27 | Trèo | <i>Sǎng</i> | Pá |
| 28 | Nằm | <i>Suôi (shui)</i> | Tāng |
| THÂN ㄊㄢ, TH ㄊㄢ | | | |
| 29 | Bố | <i>Pa</i> | Pà |
| 30 | Mẹ | <i>Che (jiè)</i> | Ma ma |
| 31 | Anh | <i>Có (gó)</i> | Gè gè |
| 32 | Chị | <i>Che (jie)</i> | Jíe jie |
| 33 | Em trai | <i>Tỷ (dǐ)</i> | Dè Dè |
| 34 | Em gái | <i>Mấy (mǐ)</i> | Mèi mèi |
| 35 | Bác | <i>Pờ</i> | |
| 36 | Ông | <i>Cúng</i> | Yé |
| 37 | Bà | <i>Phò</i> | Nai |
| 38 | Cô, dì | <i>Nhǎng</i> | |
| 39 | Cháu | <i>Sám</i> | |
| 40 | Con trai | <i>Trai</i> | |
| 41 | Con gái | <i>Mấy trai</i> | |
| 42 | Anh rể | <i>Che fú (jie fú)</i> | |
| 43 | Em rể | <i>Mấy fú (mǐ fú)</i> | |
| 44 | Chị dâu | <i>Xao</i> | |
| T ㄊㄢ, S ㄊㄢ | | | |
| 45 | Trời | <i>Thián (tián)</i> | Tian |
| 46 | Đất | <i>Tỷ (tǐ)</i> | Tù |
| 47 | N-óc | <i>Suây (shui)</i> | Shūi |
| 48 | M- a | <i>Y (yu)</i> | Yū |
| 49 | Nǎng | <i>Thai àng xǎi (tai yang)</i> | Tài yáng chǎi |
| 50 | Gió | <i>Phúng (fóng)</i> | Fèng |
| 51 | Cây | <i>Mu (mu)</i> | Mù |
| 52 | Cỏ | <i>Xao (chao)</i> | Chāo |
| 53 | Đá | <i>Ngài thâu (tòu)</i> | shí tóu |
| 54 | Ruộng | <i>Thian (tian)</i> | Tián |
| 55 | V- òn | <i>Zien</i> | Yuán |
| 56 | Núi | <i>Pò</i> | Shan |
| 57 | Rau | <i>Xǎi (chǎi)</i> | Chai |
| 58 | Lúa | <i>Cù</i> | Měi |
| 59 | Ngô | <i>Páo cù</i> | Měi yu |

| | | | |
|-------------|---------------|------------------------------|-----------|
| 60 | Sán | <i>Xào</i> | |
| 61 | Khoai lang | <i>Hùng xào</i> | |
| 62 | Bí (đỏ, xanh) | <i>Qua (guà)</i> | Dong guà |
| 63 | Đu đủ | <i>Mùn qua (mù guà)</i> | Mù guà |
| 64 | Tre, trúc | <i>Chù (zhù)</i> | Zhú |
| Ă ㄞ VỐT | | | |
| 65 | Nhà | <i>Ủ (wu)</i> | Wu |
| 66 | Cửa | <i>Mân (men)</i> | Mén |
| 67 | Gian nhà | <i>Thằng ú (wú)</i> | Fáng jian |
| 68 | Bếp | <i>Ho (ho)</i> | Hủo |
| 69 | Bàn thờ | <i>Ch ㄑ chúng (Zu Zhóng)</i> | Zǔ zhòng |
| 70 | Gi- òng | <i>Sàng fú (chàng fú)</i> | Cháng |
| 71 | Bát | <i>Van (wuan)</i> | Wuǎn |
| 72 | Đũa | <i>Phải thẩu</i> | Kuài zi |
| 73 | Chén | <i>Pây (bèi)</i> | Bèi |
| 74 | ㄇ pha trà | <i>Suây quǎn (shuì guǎn)</i> | Shuǐ guǎn |
| 75 | Mũ | <i>Mảo</i> | Mao |
| 76 | ㄠ | <i>Y</i> | Yi |
| 77 | Quần | <i>Khủ (kǔ)</i> | |
| 78 | Váy | <i>Xùn</i> | Xín |
| 79 | Ghế | <i>Pan tẩu</i> | Zhùo zì |
| 80 | Màn | <i>Màn nèn</i> | |
| M ㄇ V ㄞ BUN | | | |
| 81 | Mặn | <i>Hàn</i> | Xián |
| 82 | Đấng | <i>Khủ (kǔ)</i> | kǔ |
| 83 | Cay | <i>Là</i> | La |
| 84 | Chua | <i>Soán (suán)</i> | Suàn |
| 85 | Ngọt | <i>Thiàn (tiàn)</i> | Tián |
| S ㄝ ㄞ M | | | |
| 86 | Một | <i>Zi</i> | Y |
| 86 | Hai | <i>Lở (er)</i> | Er |
| 88 | Ba | <i>Sán</i> | Sàn |
| 89 | Bốn | <i>Xít (xí)</i> | Xi |
| 90 | Năm | <i>U (wu)</i> | Wū |
| 91 | Sáu | <i>Lù (lù)</i> | Liu |
| 92 | Bảy | <i>Chì (qì)</i> | Qi |

| | | | |
|----|-----------|------------------------|--------|
| 93 | Tám | <i>Pà (pà)</i> | Pa |
| 94 | Chín | <i>Chiu (jiu)</i> | Jiũ |
| 95 | M- òi | <i>Xừ (shí)</i> | Shí |
| 96 | Một trăm | <i>Y pờ (y bờ)</i> | Y bả |
| 97 | Một nghìn | <i>Y xián (y xián)</i> | Y qian |

Nh- vậy, khi so sánh một trăm từ vị cơ bản (chỉ các bộ phận thân thể ng- òi, động tác của con ng- òi, thân tộc, thích tộc, đồ vật, tự nhiên, mùi vị, và số đếm...) của tiếng Quý Châu với tiếng Hoa, chỉ có 6 từ có sự khác nhau: Mạn (*hàn/tián*); nằm (*shui/tăng*); đi (*khẻ/zỏu*); trèo (*sảng/pá*); núi (*pò/shan*) và ghế (*pan tóu/zhuo zì*). Trong đó có thể thấy *po* (núi) là tiếng Nùng, còn lại tuy ng- òi Quý Châu dùng khác ng- òi Hán, nh- ng *hàn, shui, pan tóu...* (*mặn, nằm, ghế...*), cũng đều là từ thuộc tiếng Hoa. Nh- vậy, có thể thấy tiếng nói của cộng đồng Quý Châu t- ơng tự nh- tiếng Pạc Và, một loại tiếng Hán địa phương ở L- ỡng Quảng, tuy họ phát âm có thể nhẹ hơn, hoặc nặng hơn sơ với ng- òi Hán. X- a cũng nh- nay, họ đều sử dụng ngôn ngữ này để giao tiếp trong nội tộc và giao tiếp với các cộng đồng sinh sống ở bên kia biên giới Việt-Trung. Nh- vậy về mặt ngôn ngữ, họ gần gũi với các c- dân nói tiếng Pạc Và sinh sống ở khu vực L- ỡng Quảng, Trung Quốc. Thực tế đó có thể khẳng định họ là một trong những cộng đồng gốc Trung Quốc (gốc Hoa) sinh sống ở Việt Nam.

Về văn hoá

Do sinh sống ở Việt Nam và xen c- với ng- òi Nùng, ng- òi Tày, ng- òi Dao (vùng Cao Bằng), trong thời gian hàng trăm năm, văn hóa của cộng đồng Quý Châu đã có rất nhiều thay đổi. Về vấn đề này cần l- u ý một vài điểm: phụ nữ Quý Châu ăn vận t- ơng tự nh- phụ nữ Nùng Xuông; sản xuất và các tập quán m- u sinh khác của họ giống nh- ng- òi Tày, ng- òi Nùng, ng- òi Dao... trong vùng. X- a kia họ ở trong những ngôi nhà đất, trình t- ơng, cách đây vài năm họ bắt đầu ở trong các ngôi nhà sàn t- ơng tự nh- của ng- òi Nùng. Đây là những thay đổi t- ơng đối lớn trong văn hoá ăn, mặc, ở của họ, có thể dễ dàng nhận thấy.

| | | | |
|-----|-----------|----------------------------|----------|
| 98 | Một vạn | <i>Y ván (y wán)</i> | Y Wàn |
| 99 | Một triệu | <i>Y pờ ván (y bờ wán)</i> | Y bả wàn |
| 100 | Không | <i>Linh</i> | Líng |

(Nguồn: *Điều tra thực địa tại Bản Chang, Th- ợng Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng, 8/2005*)

Đáng l- u ý nhất có lẽ là ngôn ngữ của họ. Từ ngàn x- a cho đến nay, họ vẫn sử dụng tiếng mẹ đẻ để giao tiếp trong nội tộc và giao tiếp với các cộng đồng ở bên kia biên giới. Tiếng nói của họ là tiếng Pạc Và, một thổ ngữ ở Quảng Đông, thuộc hệ ngôn ngữ Hán. Đây là thứ ngôn ngữ hoàn toàn khác với tiếng Tày, Nùng, Dao, Hmông, Lô Lô, Sán Chí... trong vùng. Để giao tiếp với các cộng đồng láng giềng ở Việt Nam, họ dùng tiếng Nùng, tiếng Tày, tiếng Dao.



Phụ nữ Quý Châu ở Bản Chang, Th- ợng Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng

Ảnh: Trần Bình

Họ dùng chữ Hán làm tự để ghi lại tiếng nói của mình. Trong các bản thỉnh thoảng vẫn có ng- òi biết viết và biết đọc thứ *chữ nôm Quý Châu (khê shú)* đó. Họ có nhiều loại sách chữ

Hán, chẳng hạn: Sách dạy đạo đức làm ng-ời (*cháo tảo te, cháo tảo shò*); sách xem ngày giờ tốt xấu, chọn giờ khởi công, chọn giờ xuất hành, chọn giờ làm các nghi lễ c-ới xin, ma chay... (*thống shú*); Sách cúng, sách mo... (*cháo tảo cungz*)...

Ngoài việc kết hôn với những ng-ời trong nội tộc, hiện nay ng-ời Quý Châu còn kết hôn với ng-ời Nùng và những ng-ời thuộc các tộc khác. Hiện tượng ngoại hôn tộc ng-ời này đã trở thành một động lực khá quan trọng đẩy mạnh giao l-u và ảnh hưởng văn hoá giữa họ với cộng đồng ng-ời Nùng và các tộc ng-ời khác.

Tập quán m-u sinh của ng-ời Quý Châu không có gì khác biệt lắm so với các cộng đồng Nùng, Tày, Dao... trong vùng. Điều này có lẽ được quy định bởi những điều kiện môi sinh tự nhiên tương tự nhau; sự giao l-u trong các hoạt động kinh tế giữa các cộng đồng trong vùng ngày càng diễn ra mạnh mẽ; các chính sách phát triển kinh tế – xã hội của Chính phủ Việt Nam ngày càng có ảnh hưởng sâu rộng đối với các dân tộc thiểu số vùng giáp biên ... Tuy nhiên họ là bộ phận có hoạt động giao l-u, trao đổi, kinh tế và buôn bán với các dân bên kia biên giới mạnh nhất trong khu vực.

Về ý thức tự giác tộc ng-ời

Theo các tài liệu vừa đề cập trên đây, ngay từ những đợt điều tra dân số đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (1960), cộng đồng chúng ta đang đề cập đã tự nhận tộc danh của họ là *Quý Châu*. Từ đó đến 1979 ý thức về tộc danh của họ không có gì thay đổi. Cho đến những năm gần đây, do các nguyên nhân khách quan, họ vẫn nhận tên tự gọi là Quý Châu, nhưng không nhận là một dân tộc riêng biệt nữa.

Ông Hồ Páng Khín, 56 tuổi, trưởng bản, ng-ời duy nhất (trong bản) biết đọc, biết viết chữ nôm và cộng đồng Quý Châu ở Bản Chang (Thị trấn Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng) đều nhất trí như sau:

- Họ tự nhận: *Ngo shí Quý Châu Dân (wó shí quý châu dân)* - Tôi là ng-ời Quý Châu.

- Họ gọi ng-ời Nùng là *ThuZân (Thổ Nhân)*, ng-ời Tày là *Sàng Mào (ng-ời tóc dài)*, ng-ời Dao là *Tả Pan (Đại Bản)*, ng-ời Hmông là *Pờ Mèo*, ng-ời Lô Lô là *Lô Lô*, ng-ời Sán Chí là *Sản Chỉ hoặc Nàn Tẻn*, ng-ời Kinh (Việt) là *Chéo Zhú (Jiaozhú)* / *Giao Chỉ* và ng-ời Hán là *Khản Zân (Hán Nhân), KheZân ...*

Cần lưu ý rằng, trước chiến tranh biên giới 1979 họ vẫn nhận là một nhóm thuộc cộng đồng ng-ời có gốc Hoa. Sau năm 1979, vì các lý do chính trị, xã hội... họ chỉ tự nhận là ng-ời Quý Châu.

Hiện nay, 100% đều muốn được gọi là *Ng-ời Nùng Quý Châu*. Điều này được họ lý giải rằng: họ có văn hoá, lối sống... gần tương tự ng-ời Nùng; hơn nữa ông cha họ nói lại rằng họ có nguồn gốc từ nhóm *Nùng ở Quý Châu*.

3. Nhận xét

Với các dữ liệu đã tiếp cận được, cho phép chúng ta có thể khẳng định, cộng đồng Quý Châu hiện đang sinh sống ở Việt Nam có nguồn gốc xa xưa thuộc ngành phía Đông, trong khối dân nói ngôn ngữ Choang - Đông (Tày – Thái), sinh sống ở khu vực đông - nam vùng Hoa Nam (Trung Quốc). Trước khi di sang Việt Nam cách đây vài ba trăm năm, rất có khả năng tổ tiên họ đã là thành viên trong khối dân Nùng ở vùng Quảng Tây (Trung Quốc).

Xưa cũng nay, cộng đồng Quý Châu có tiếng nói thuộc ngôn ngữ *Pac Và*. Loại ngôn ngữ này thực ra là một loại Hán ngữ địa phương, được đại đa số các cộng đồng dân ở vùng Lưỡng Quảng (Trung Quốc) sử dụng như tiếng mẹ đẻ của họ.

Do sinh sống cạnh kề với các dân tộc Nùng, Tày, Dao... ở vùng núi biên giới Việt Nam qua nhiều đời, văn hoá của ng-ời Quý Châu đã chịu ảnh hưởng nhiều từ các dân tộc láng giềng. Hoạt động m-u sinh, văn hoá vật chất, cũng như văn hoá tâm linh của họ đã có nhiều nét tương đồng với các dân tộc trong khu vực, nhất là với ng-ời Nùng. Thực tế này cũng có thể còn bắt nguồn từ nguyên nhân sâu xa, đó là sự gần gũi về nguồn

gốc giữa họ với cộng đồng ng-ời Nùng trong khu vực họ sinh sống.



Bàn thờ của gia đình ông Hồ Pang Khín ng-ời Quý Châu ở bản Chang (Th-ợng Hà, Bảo Lạc, Cao Bằng)

Ảnh: Trần Bình.

Từ khi có mặt ở Việt Nam tới nay, cộng đồng Quý Châu tự ý thức rất sâu sắc về dân tộc của họ. Họ tự nhận mình là ng-ời Quý Châu, có gốc ở Trung Quốc. Tại kỳ điều tra dân số đầu tiên ở Miền Bắc (1/3/1960), họ đ-ợc xếp thành một dân tộc riêng biệt, đó là dân tộc Quý Châu. Trong một ấn phẩm về các dân tộc ít ng-ời ở Việt Nam, do Viện Dân tộc học biên soạn, Nhà xuất bản Khoa học xã hội ấn hành vào năm 1978, cộng đồng này đ-ợc đề cập nh- một dân tộc thiểu số riêng biệt, đó là dân tộc Pu Nà. Sở dĩ nh- vậy, vì các nhà nghiên cứu đều xác nhận ng-ời Pu Nà còn có tên tự gọi, hoặc đ-ợc các cộng đồng khác gọi là ng-ời Quý Châu. Tuy vậy, trong các kỳ điều tra dân số 1979, 1989, 1999, ng-ời Quý Châu chỉ đ-ợc xác nhận là một nhóm địa ph-ong thuộc các dân tộc Giáy, Bó Y, Nùng tuy theo từng địa ph-ong ở Việt Nam.

Thực tiễn hiện nay cho thấy, cộng đồng Quý Châu có ý thức rất cao về thành phần dân tộc của

họ. Họ vẫn tự nhận là ng-ời Quý Châu, nh- ng với tình hình chính trị, xã hội đã thay đổi rất nhiều hiện nay, họ không muốn nhắc đến nguồn gốc xa x- a nữa. Để thích hợp với điều kiện xã hội hiện tại, ở Cao Bằng họ tự nhận và mong muốn đ-ợc xác định là Ng-ời Nùng Quý Châu, một nhóm địa ph-ong thuộc cộng đồng dân tộc Nùng ở Việt Nam.

Chúng tôi cho rằng, xác định cộng đồng Quý Châu là một nhóm địa ph-ong thuộc dân tộc Nùng – *nhóm Nùng Quý Châu*, là thỏa đáng. Điều đó không những phù hợp với nguồn gốc, lịch sử, văn hoá của cộng đồng này, mà còn thỏa mãn về ý thức tự giác tộc ng-ời và nguyện vọng rất thực tế của họ, cũng nh- bối cảnh xã hội, chính trị khu vực biên giới Việt – Trung hiện nay.

Từ thực tiễn của cộng đồng Quý Châu, thiết nghĩ cũng nên có những điều chỉnh cần thiết, thỏa đáng về thành phần dân tộc của các cộng đồng ng-ời có nguồn gốc ở bên kia biên giới, đã từng sinh sống lâu đời tại Việt Nam (Tu Dí, Pa Dí, Thù Lao, Ngạn, Ngái, Sán Chí, Bó Y, Giáy...). Điều đó không chỉ thích hợp với bối cảnh chính trị vùng biên giới phía Bắc, mà nó còn là động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc khu vực ở biên giới Việt – Trung hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Khổng Diển. *Dân số và Dân số học tộc ng-ời ở Việt Nam*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1995.
2. Nguyễn Chí Huyền (và các tác giả). *Nguồn gốc lịch sử tộc ng-ời vùng biên giới phía Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2000.
3. Trần Trọng Kim. *Việt Nam sử lược*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, TP. HCM, 2005.
4. Viện Dân tộc học. *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc ít ng-ời ở Miền Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1975.

5. Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía bắc)*, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội, 1978.